

Bản án số: **85/2025/DS-ST**

Ngày: 23 - 5- 2025

V/v tranh chấp “hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH PHÚ – TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Cẩm Nhung.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Bùi Thị Duyên

2. Ông Huỳnh Ngọc Sơn

- Thư ký phiên tòa: Ông Trương Nguyễn Nhứt – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Phú, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Phú Quý – Kiểm sát viên.

Trong ngày 23 tháng 5 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Phú xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 358/2024/TLST-DS ngày 04 tháng 10 năm 2024 về việc “tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 90/2025/QĐXXST-DS ngày 23 tháng 4 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 73/2025/QĐST – DS ngày 08 tháng 5 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Lê Thị M, sinh năm 1990; địa chỉ: số 177/4 ấp T, xã H, huyện T, tỉnh B.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Lê Thị M: Bà Đào Hồng V, sinh năm 1966; địa chỉ: 88/3 ấp A, xã AT, huyện T, tỉnh B (có Đơn xin xét xử vắng mặt).

2. Bị đơn: Ông Bùi Văn S, sinh năm 1971 và bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1975; cùng địa chỉ: 166/3 ấp T, xã H, huyện T, tỉnh B (cùng vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện và Văn bản nêu ý kiến và xin xét xử vắng mặt , trong quá trình tố tụng người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn chị Lê Thị M – bà Đào Hồng V trình bày:

Vào ngày 22/8/2023, ông Bùi Văn S và bà Nguyễn Thị D có vay của chị Lê Thị M số tiền 242.000.000 đồng, lãi suất hai bên thỏa thuận là 1,5 %/tháng, thời hạn vay từ ngày 22/8/2023 đến ngày 22/5/2024. Mục đích ông S và bà D vay tiền của chị M để nuôi tôm công nghiệp và trả nợ Ngân hàng. Khi vay ông S có ký tên và có điểm chỉ vào văn bản có tiêu đề “Hợp đồng cho vay tiền” lập ngày 22/8/2023. Sau khi vay, ông S và bà D có đóng lãi cho đến tháng 5 năm 2024 nhưng ông S, bà D không có trả vốn cho chị M theo thời hạn mà hai bên đã thỏa thuận. Sau đó chị M và ông S, bà D có thỏa thuận nếu ông S, bà D trả vốn thì bắt đầu sau tháng 5 năm 2024 chị M chỉ lấy tiền nợ gốc là 242.000.000 đồng, không tính tiền lãi trong hợp đồng đối với khoản tiền trên. Sau đó chị M có nhiều lần nhắc nhở ông S, bà D trả tiền nợ gốc cho chị M nhưng từ đó đến nay ông S, bà D vẫn chưa thanh toán cho chị M khoản tiền nào.

Tuy bà D không có ký tên vào hợp đồng vay tiền nhưng ông S và bà D là vợ chồng hợp pháp, việc ông S vay tiền của bà M thì bà D biết và mục đích ông S vay tiền của chị M để làm kinh tế nhằm phát triển kinh tế chung của gia đình và trả nợ chung cho gia đình. Do đó, nay chị M yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Bùi Văn S và bà Nguyễn Thị D phải có nghĩa vụ liên đới trả số tiền gốc đã vay là 242.000.000 đồng. Đồng thời yêu cầu tính lãi chậm trả kể từ ngày thụ lý vụ án (ngày 04/10/2024) cho đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm với mức lãi suất là 0.83%/tháng.

Chị M xin rút yêu cầu buộc ông S và bà D trả lãi kể từ ngày 23/8/2024 cho đến ngày Tòa án giải quyết xong vụ án với mức lãi suất là 1.66%/ tháng theo nội dung Đơn khởi kiện đề ngày 23/8/2024.

Bị đơn ông Bùi Văn S và bà Nguyễn Thị D vắng mặt suốt trong quá trình tố tụng nên không có lời trình bày

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

- Về trình tự, thủ tục: Thẩm phán và Hội đồng xét xử sơ thẩm đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý cho đến khi đưa vụ án ra xét xử.

- Về nội dung: Qua các tài liệu có trong hồ sơ xét thấy hợp đồng vay tài sản được xác lập trên cơ sở tự nguyện, các bên tham gia giao kết hợp đồng không bị hạn chế năng lực pháp luật và năng lực hành vi dân sự. Nội dung và hình thức hợp đồng không trái quy định pháp luật, đạo đức xã hội nên được pháp luật công nhận. Xét tài liệu, chứng cứ nguyên đơn cung cấp, hợp đồng vay tiền ngày 22/8/2023 (bút lục số 45). Theo nội dung hợp đồng vay tiền ngày 22/8/2023 và kết luận giám định chữ ký, chữ viết số 103/2025/KL-KTHS, ngày 19/3/2025 của Phòng kỹ thuật

hình sự Công an tỉnh Bến Tre, có căn cứ xác định ông Bùi Văn S có vay của bà Lê Thị M số tiền 242.000.000 đồng, thời hạn vay đến ngày 22/5/2024. Do đó, bà Lê Thị M yêu cầu ông Bùi Văn S trả số tiền 242.000.000 đồng là có căn cứ pháp luật.

Về trách nhiệm liên đới trả nợ của bà D: việc vay tiền là để nuôi tôm, phát triển kinh tế gia đình, thời điểm vay tiền bà D với ông S là vợ chồng hợp pháp. Quá trình giải quyết Tòa án đã tổng đạt, niêm yết thông báo thụ lý, thông báo tham gia hoà giải, công khai chứng cứ đúng quy định nhưng bà D, ông S nhiều lần vắng mặt không có lý do. Các đương sự không có mặt tại địa phương. không thông báo cho nguyên đơn biết về nơi cư trú mới. Có căn cứ xác định bà D, ông S cố tình bỏ địa phương đi nhằm trốn tránh việc thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Do đó, cần buộc bà D, ông S có nghĩa vụ liên đới trả nợ là có căn cứ theo Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về lãi suất: hợp đồng vay hai bên không có thỏa thuận lãi suất cụ thể, do đó khi phát sinh tranh chấp, chỉ có cơ sở tính lãi suất cho vay theo quy định khoản 2 Điều 468 BLDS: "*.....2. Trường hợp các bên có thỏa thuận về việc trả lãi, nhưng không xác định rõ lãi suất và có tranh chấp về lãi suất thì lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều này tại thời điểm trả nợ*".

Từ những phân tích trên, căn cứ các Điều 26, 35, 39, 102, 227, 228, 238 Bộ luật Tố tụng Dân sự; áp dụng các Điều 357, 463, 466, 468 Bộ Luật Dân sự; Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông Bùi Văn S và bà Nguyễn Thị D có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Lê Thị M số tiền 242.000.000 đồng và lãi suất 0,83%/tháng (tương đương 10%/năm), tính từ ngày 04/10/2025 (ngày thụ lý vụ án) đến khi giải quyết xong vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: căn cứ vào đơn khởi kiện của nguyên đơn chị Lê Thị M yêu cầu bị đơn ông Bùi Văn S và bà Nguyễn Thị D liên đới trả tiền nợ vay nên xác định đây là “tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng Dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn ông Bùi Văn S và bà Nguyễn Thị D có nơi cư trú tại xã H, huyện T, tỉnh B nên theo điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú.

[2] Về tố tụng: người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn - bà Đào Hồng V có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn ông Bùi Văn S và bà Nguyễn Thị D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy căn cứ các Điều 228, 238 Bộ luật Tố tụng Dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt tất cả các đương sự trong vụ án.

[3] Về nội dung tranh chấp: Chị M yêu cầu ông S và bà D có nghĩa vụ liên đới trả số tiền vay còn nợ là 242.000.000 đồng và tiền lãi chậm thanh toán.

[4] Về nghĩa vụ trả tiền: Hội đồng xét xử thấy rằng, các tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị M có giao nộp: văn bản có tiêu đề “Hợp đồng cho vay tiền” lập ngày 22/8/2023 và cùng với Kết luận giám định số 103/2025/KL – KTHS ngày 19/3/2025 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bến Tre xác định ông S là người trực tiếp ký tên vay tiền là phù hợp với trình bày của nguyên đơn. Do đó, có căn cứ xác định giữa nguyên đơn chị Lê Thị M và bị đơn ông Bùi Văn S có xác lập và thực hiện hợp đồng vay tài sản, số tiền đã vay là 242.000.000 đồng, thời hạn vay từ ngày 22/8/2023 đến ngày 22/5/2024 nên ông S đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ vay. Vì vậy Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định hợp đồng vay tài sản giữa chị M với ông S được xác lập trên cơ sở tự nguyện và bình đẳng không bên nào bị lừa dối hoặc bị ép buộc, các bên có đầy đủ năng lực hành vi dân sự nên được xem là hợp đồng hợp pháp theo quy định tại Điều 463 Bộ luật Dân sự.

Xét về nghĩa vụ liên đới trả nợ vay của bà Nguyễn Thị D: bà D và ông S là vợ chồng hợp pháp, có đăng ký kết hôn năm 2002, hiện vẫn tồn tại mối quan hệ hôn nhân. Mặc dù bà D không trực tiếp xác lập giao dịch vay tài sản cùng với ông S và bà M nhưng việc ông S vay tiền của chị M để nuôi tằm công nghiệp và trả nợ Ngân hàng là phục vụ cho việc phát triển kinh tế chung của hai vợ chồng.

Ông S, bà D mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, bản sao Đơn khởi kiện, bản sao hợp đồng cho vay tiền lập ngày 22/8/2023, Kết luận giám định số 103/2025/KL – KTHS ngày 19/3/2025 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bến Tre và được triệu tập hợp lệ để nêu ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, để tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, xét xử nhưng các bị đơn ông S và bà D vẫn vắng mặt, không đưa ra ý kiến phản đối về các chứng cứ mà nguyên đơn giao nộp, không giao nộp tài liệu, chứng cứ cho Tòa. Vì vậy, căn cứ khoản 2 Điều 91, khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng Dân sự; các Điều 466, 468, 470 Bộ luật Dân sự cần buộc ông S và bà D có nghĩa vụ liên đới trả cho chị M số tiền đã vay là 242.000.000 đồng và tiền lãi chậm thanh toán là phù hợp.

Tiền lãi chậm thanh toán được tính từ ngày 04/10/2024 (ngày Tòa án thụ lý vụ án) đến ngày 23/5/2025 (ngày Tòa án xét xử sơ thẩm vụ án), cụ thể như sau $242.000.000 \text{ đồng} \times 0.83\%/\text{tháng} \times 07 \text{ tháng} 19 \text{ ngày} = 15.332.313 \text{ đồng}$. Như vậy, tổng số tiền mà ông S và bà D phải có nghĩa vụ liên đới trả cho chị M là 257.332.313 đồng.

[5] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[6] Về chi phí tố tụng (chi phí trưng cầu giám định chữ ký, chữ viết): ông Bùi Văn S và bà Nguyễn Thị D có nghĩa vụ liên đới chịu. Do chị Lê Thị M đã tạm ứng trước nên ông Bùi Văn S và bà Nguyễn Thị D có nghĩa vụ liên đới hoàn trả cho chị M số tiền 4.042.000 đồng là phù hợp.

[7] Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn ông Bùi Văn S và bà Nguyễn Thị D phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, Điều 39, điểm a khoản 1 Điều 35, các Điều 91, 92, 147, 161, 162, khoản 2 Điều 244; 228, 238 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ các Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình; các Điều 463, 466, 468, 470 Bộ luật Dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Lê Thị M đối với bị đơn ông Bùi Văn S và bà Nguyễn Thị D. Buộc ông Bùi Văn S và bà Nguyễn Thị D có nghĩa vụ liên đới trả cho chị Lê Thị M số tiền 257.332.313 đồng, gồm: nợ gốc 242.000.000 đồng và 15.332.313 đồng tiền lãi.

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, có đơn yêu cầu của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

2. Về chi phí tố tụng: ông Bùi Văn S và bà Nguyễn Thị D có nghĩa vụ liên đới hoàn trả cho chị Lê Thị M số tiền 4.042.000 đồng.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

Ông Bùi Văn S và bà Nguyễn Thị D phải liên đới chịu 12.866.615 đồng.

Chị Lê Thị M được Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre hoàn trả số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 6.050.000 đồng theo biên lai thu số 0003481 ngày 03/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre.

4. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Ngọc S – Bùi Thị Duyên

Phan Cẩm Nhung

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Thạnh Phú;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Chi cục THADS huyện Thạnh Phú;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Phan Cẩm Nhung

